

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2026

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phú.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Hà và bà Nguyễn Thị Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND khu vực 4 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút, ngày 06/8/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23/3/2026 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2026/QĐST-DS, ngày 20/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lan A, sinh năm 1997; Số CCCD: 042197011430; địa chỉ: Xóm E (nay là thôn T), xã H, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1989; Số CCCD: 042089014760; địa chỉ: Xóm E (nay là thôn T), xã H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án của chị Trần Thị Lan A:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Lan A kết hôn ngày 21/7/2015 tại UBND xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng anh T và chị A được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn và đã tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn thì chị A và anh T sinh sống tại thôn T, xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, gia đình và bạn bè đã khuyên can nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2023 chị **A** và anh **T** sống ly thân cho đến nay. Vì vậy chị **A** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **Trần Văn T** để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị **A** và anh **T** có 01 người con chung tên là **Trần Anh Đ**, sinh ngày 29/7/2015. Từ khi vợ chồng ly thân thì con **Trần Anh Đ** đang sinh sống cùng chị **A**. Đến giữa năm 2026 chị **A** đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh thì cháu **Đ** tạm thời sống cùng ông nội (ông **T1** là bố đẻ của anh **T**). Theo đơn khởi kiện thì chị **A** nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con cho anh **T** nhưng sau đó chị **A** thay đổi ý kiến đề nghị Tòa án giao cháu **Trần Anh Đ** cho chị **Trần Thị Lan A** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Chị **A** không yêu cầu anh **Trần Văn T** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình sống chung chị **A** và anh **T** không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Phía bị đơn anh **Trần Văn T***: Sau khi Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh **T** không có mặt tại Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án tiếp tục tổng đạt các văn bản tiếp theo gồm: Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi anh **T** cư trú ở **thôn T, xã H, tỉnh Hà Tĩnh** theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh **Trần Văn T** vẫn không có mặt để nhận văn bản nên Cán bộ Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố của anh **T** là ông **Trần Xuân T1** và cùng với cán bộ **UBND xã H** tiến hành lập văn bản về việc anh **T** không có mặt tại nhà để nhận văn bản đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh **T** vẫn không đến Tòa án để làm việc.

Sau đó Thẩm phán và Thư ký đã đến tận nhà anh **Trần Văn T** tiến hành xác minh đối với ông **Trần Xuân T1** (bố đẻ của anh **T**) thì ông **T1** cho biết: Qua điện thoại trao đổi với ông **Trần Xuân T1** thì về hôn nhân: **Anh T2** kết hôn với chị **Lan A** vào ngày 21/7/2015 tại **UBND xã H, tỉnh Hà Tĩnh**. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Nay chị **Trần Thị Lan A** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng công việc bận nên anh không về được để trực tiếp giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; về con chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh **T2** nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con **Trần Anh Đ**, sinh ngày 29/7/2015 cho chị **Trần Thị Lan A** vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu **Đ** đang sống với chị **A**; về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Trần Thị Lan A** không yêu cầu anh **T2** cấp dưỡng nuôi con thì anh **T2** sẽ cho con sau; về tài sản chung và nợ chung: Anh **Trần Văn T** và chị **Trần Thị Lan A** không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thông tin nơi cư trú của anh **Trần Văn T**: Ngày 02/7/2026 Tòa án làm việc với **Công an xã H**, tỉnh Hà Tĩnh kiểm tra dữ liệu quốc gia về dân cư thì anh **T** là công dân cư trú tại **xã H, tỉnh Hà Tĩnh** không cắt chuyển hộ khẩu và cũng không tạm trú ở nơi khác, anh **T** đi làm xa, tuy nhiên các dịp lễ, tết vẫn thường xuyên đi về tại **xã H** để thăm con và gia đình.

Tại phiên tòa ngày 20/7/2026 anh **T** không có mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt cho anh **T** qua ông **Trần Xuân T1** và tiến hành niêm yết theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay lần thứ hai bị đơn anh **Trần Văn T** vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- *Thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn chị **Trần Thị Lan A** chấp hành đúng pháp luật, còn bị đơn anh **Trần Văn T** không thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự đó là không có mặt tại Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại các phiên tòa đều không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án tiếp tục xét xử và ra bản án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- *Điều luật:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 264, 266, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, xử.

+ *Quan hệ hôn nhân:* Cho chị **Trần Thị Lan A** được ly hôn anh **Trần Văn T**.

+ *Quan hệ con chung và cấp dưỡng:* Giao cháu **Trần Anh Đ**, sinh ngày 29/7/2015 cho cho chị **Trần Thị Lan A** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu đang ở cùng chị **A**. Chị **Trần Thị Lan A** không yêu cầu anh **Trần Văn T** cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị miễn xét.

Anh **Trần Văn T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ *Tài sản chung và nợ chung*: Chị **Trần Thị Lan A** và anh **Trần Văn T** không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

+ *Án phí*: Chị **Trần Thị Lan A** phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Trần Thị Lan A** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Trần Văn T**. **Anh T2** có nơi cư trú tại: **Thôn T, xã H, tỉnh Hà Tĩnh** do vậy xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị Lan A** đã có bản khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tố tụng và cũng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra, giao nộp tiếp cận chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, còn bị đơn anh **Trần Văn T** không có mặt để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. **Anh T2** biết việc chị **A** xin ly hôn và Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **Trần Văn T**.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Lan A** kết hôn với anh **Trần Văn T** vào ngày 21/7/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H**, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị **A** và anh **T** sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Mặc dù gia đình và hàng xóm đã khuyên can để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2023 chị **A** chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại chị **A** xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **A** được ly hôn anh **Trần Văn T**. Quá trình giải quyết vụ án, anh **T** không đến Tòa án để làm việc cũng như không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa; đồng thời cũng không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình, có ý thức bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Bên cạnh đó để có cơ sở giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện, Tòa án tiến hành xác minh ông **Trần Xuân T1** là bố

của anh **T** về tình trạng hôn nhân vợ chồng thì ông khẳng định: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2023 chị **A** và anh **T** sống ly thân cho đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn về sống đoàn tụ, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị **A** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng, đã chấm dứt mọi quan hệ. Do đó chị **A** làm yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị **A** được ly hôn anh **T**.

[4] Quan hệ con chung và cấp dưỡng: Quá trình sống chung giữa chị **A** và anh **T** có 01 người con chung tên **Trần Anh Đ**, sinh ngày 29/7/2015. Sau khi ly hôn chị **A** đề nghị Tòa án giao cháu **Trần Anh Đ** cho chị **A** tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu **Trần Anh Đ** cho cho chị **Trần Thị Lan A** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Cấp dưỡng nuôi con: Chị **A** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu, nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị **Trần Thị Lan A** phải nộp tiền án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* *Điều luật:* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 264, 266, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, các Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

* *Quan hệ hôn nhân:* Chị **Trần Thị Lan A** được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

* *Quan hệ con chung và cấp dưỡng:* Giao cháu **Trần Anh Đ**, sinh ngày 29/7/2015 cho chị **Trần Thị Lan A** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị **Trần Thị Lan A** yêu cầu anh **Trần Văn T** cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Trần Văn T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; anh **T** không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến con; anh **T** được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

* *Án phí*: Buộc chị **Trần Thị Lan A** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị **A** được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **A** đã nộp theo biên lai thu tiền số: 000014078511, ngày 23/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nay chị **A** không phải nộp nữa.

* *Quyền kháng cáo*: Chị **Trần Thị Lan A** và anh **Trần Văn T** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận: - TAND tỉnh Hà Tĩnh; - VKSND tỉnh Hà Tĩnh; - VKSND khu vực 4 - Hà Tĩnh; - THA Dân sự tỉnh Hà Tĩnh; - UBND xã Hương Đô; - Các đương sự; - Lưu hồ sơ, VP.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA Lê Văn Phú
---	---

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Hà Nguyễn Thị L

Lê Văn P